

Số: 392/QĐ-BQLKKT

Cao Bằng, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023
của Văn phòng Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng**

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 376/QĐ-BQLKKT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của Văn Phòng Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh (có biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Điều 3;
- Trang thông tin điện tử BQLKKT;
- Lưu: VT.



TRƯỞNG BAN

Nguyễn Kiên Cường

CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO BỔ SUNG NĂM 2023*(Kèm theo Quyết định số 392/QĐ-BQLKKT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ban quản lý Khu kinh tế)**Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Nội dung	Tổng số tiền
I	Dự toán chi NSNN	18.701
1	Chi quản lý nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)	4.468
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ (nguồn 13)	3.606
1.1.1	Kinh phí lương, các khoản phụ cấp và các khoản phải nộp theo lương	2.931
1.1.2	Chi hoạt động theo định mức (đã trừ tiết kiệm 10%)	675
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 12)	862
1.2.1	Kinh phí thuê trụ sở	360
1.2.2	Kinh phí thực hiện xúc tiến đầu tư	200
1.2.3	Kinh phí chỉnh lý tài liệu	142
1.2.4	Kinh phí mua sắm tài sản	160
2	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280, khoản 338)	14.233
	Nguồn kinh phí không tự chủ (nguồn 12)	14.233
2.1	Chi quy hoạch phân khu các khu vực cửa khẩu	10.000
2.2	Kinh phí thực hiện duy tu, bảo dưỡng các đường trong khu vực cửa khẩu	583
2.3	Kinh phí thực hiện hệ thống Nền tảng cửa khẩu số	3.150
2.4	Kinh phí thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất	500